



zhèng diǎn

正点

adjective/adverb · on time, punctual; (slang) awesome, hot

Example Sentence

Huǒ chē měi cì dōu zhèng diǎn dào dá , fēi cháng zhǔn shí
火车每次都正点到达，非常准时。

The train arrives on time every time, very punctual.

Trace each character, then write the word on your own.

正	正	正	正	正	正	正	正				
点	点	点	点	点	点	点	点	点	点	点	点
点											